

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 35 /2007/QĐ-BTC

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, các công ty quản lý quỹ và các bên có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND, HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Văn phòng TƯ và các ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản- Bộ Tư pháp;
- Các Trung tâm giao dịch chứng khoán;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, UBCKNN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Xuân Hà

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 35/2007/QĐ-BTC ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2007 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính)

Chương I. Quy định chung

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý quỹ và hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan đến hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán cho Công ty quản lý quỹ trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ty quản lý quỹ*, là tổ chức có tư cách pháp nhân, hoạt động cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Ngoại trừ Công ty quản lý quỹ được cấp phép, các tổ chức kinh tế khác không được cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và quản lý danh mục đầu tư.
2. *Nhà đầu tư ủy thác* là cá nhân hoặc tổ chức ủy thác cho Công ty quản lý quỹ quản lý đầu tư tài sản của mình.
3. *Người hành nghề quản lý quỹ* là người có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, đang hành nghề tại Công ty quản lý quỹ.
4. *Bản sao hợp lệ* là bản sao được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam công chứng, chứng thực.
5. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ theo quy định của Quy chế này, có nội dung được kê khai đầy đủ theo quy định của pháp luật.

6. *Tài sản lưu động ròng* là hiệu số giữa tài sản ngắn hạn và nợ ngắn hạn.
7. *Vốn khả dụng* là vốn bằng tiền và các tài sản có thể chuyển đổi thành tiền mặt trong vòng 30 ngày.
8. *Ngày định giá* là ngày Công ty quản lý quỹ xác định để định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư chứng khoán (sau đây gọi là Quỹ), Công ty đầu tư chứng khoán.

Chương II. Thành lập, tổ chức và hoạt động

Mục 1. Cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

Điều 3. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập và hoạt động

1. Có trụ sở và trang thiết bị phục vụ hoạt động nghiệp vụ bao gồm:
 - a) Quyền sử dụng trụ sở Công ty có thời hạn tối thiểu một năm, các thiết bị bảo đảm an toàn, an ninh cho trụ sở làm việc của Công ty;
 - b) Trang thiết bị tối thiểu bao gồm các thiết bị văn phòng, hệ thống máy tính cùng các phần mềm phục vụ cho hoạt động phân tích đầu tư, phân tích và quản lý rủi ro, lưu trữ bảo quản chứng từ.
2. Có vốn điều lệ thực góp tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 1 năm 2007 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
3. Đảm bảo có đủ số lượng nhân viên có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ theo phương án kinh doanh, trong đó tối thiểu phải có 5 nhân viên được cấp Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại trụ sở chính.
4. Giám đốc, Phó Giám đốc phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư hoặc Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc phụ trách nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư, Trưởng bộ phận nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và người hành nghề quản lý quỹ đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 10 của Quy chế này và các điều kiện về người hành nghề quản lý quỹ do Bộ Tài chính quy định.
5. Điều kiện đối với cá nhân góp vốn:
 - a) Không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Điểm b, c, d, đ và e Khoản 2 và Điểm b Khoản 4, Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

b) Đáp ứng điều kiện tài chính theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Quy chế này.

6. Điều kiện đối với tổ chức góp vốn:

a) Đang hoạt động hợp pháp và không thuộc các trường hợp không được quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Điểm a, g Khoản 2 và Điểm a Khoản 4, Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

b) Đáp ứng điều kiện tài chính theo quy định tại Khoản 3 Điều 4 Quy chế này;

c) Không phải là pháp nhân hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy phép kinh doanh hoặc các văn bản pháp lý tương đương.

7. Các cá nhân trong trường hợp quy định tại Điểm a, b Khoản 3 Điều 10 Quy chế này và các tổ chức mà cá nhân đó là cổ đông lớn nhất, thành viên góp vốn lớn nhất không được tham gia góp vốn thành lập, mua cổ phần vượt quá 5% vốn điều lệ hoặc phần vốn góp có quyền biểu quyết của Công ty quản lý quỹ.

8. Tổ chức theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 13 Luật Doanh nghiệp không được mua cổ phần, góp vốn vào Công ty quản lý quỹ.

Điều 4. Điều kiện tài chính đối với cổ đông, thành viên góp vốn

1. Các cá nhân, tổ chức tham gia góp vốn thành lập Công ty quản lý quỹ chỉ được phép sử dụng vốn của chính mình, không bao gồm các nguồn vốn ủy thác đầu tư, vốn chiếm dụng từ các cá nhân, tổ chức khác.

2. Đối với trường hợp cổ đông, thành viên góp vốn là cá nhân, phải chứng minh khả năng góp vốn bằng tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác. Đối với tài sản bằng tiền, phải có xác nhận của ngân hàng về số dư tại ngân hàng. Đối với tài sản bằng chứng khoán, phải có xác nhận của Công ty chứng khoán hoặc của tổ chức phát hành về số chứng khoán đó. Đối với tài sản khác, phải có tài liệu chứng minh quyền sở hữu và tài sản đó phải được định giá bởi tổ chức định giá đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

3. Đối với trường hợp cổ đông, thành viên góp vốn là tổ chức, nguồn vốn góp phải là nguồn vốn hợp pháp và được tổ chức kiểm toán độc lập xác nhận. Tổ chức được coi là đủ năng lực tài chính góp vốn khi thỏa mãn các tiêu chí sau:

a) Vốn Chủ sở hữu (không tính các khoản đầu tư dài hạn) đảm bảo đủ góp vốn theo cam kết;

b) Tài sản lưu động ròng tại thời điểm báo cáo tài chính năm gần nhất có kiểm toán tối thiểu bằng số vốn góp;

c) Tổ chức không trong tình trạng sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ kéo dài trong 02 năm liên trước năm xin phép thành lập Công ty và có số lỗ lũy kế vượt quá vốn Chủ sở hữu trong báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.

4. Các cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập phải cùng nhau đăng ký mua, góp vốn sở hữu ít nhất 20% vốn điều lệ của Công ty quản lý quỹ và cam kết nắm giữ toàn bộ phần vốn góp hoặc số cổ phần đó trong thời hạn ít nhất 03 năm sau khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, trừ trường hợp chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập khác. Quy định này cũng áp dụng đối với các Công ty quản lý quỹ thành lập trước thời điểm Luật Chứng khoán có hiệu lực.

Điều 5. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty quản lý quỹ bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Quy chế này);

b) Bản thuyết minh cơ sở vật chất, kỹ thuật đảm bảo thực hiện các nghiệp vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư (theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo Quy chế này) kèm theo Hợp đồng nguyên tắc thuê trụ sở chính;

c) Biên bản họp cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập kèm theo Nghị quyết về việc thành lập Công ty quản lý quỹ; Biên bản và Nghị quyết phải bao gồm các nội dung: việc nhất trí thành lập Công ty quản lý quỹ, tên giao dịch bằng tiếng Việt, tiếng Anh, nghiệp vụ kinh doanh, vốn điều lệ, danh sách cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập, mức vốn góp và tỷ lệ sở hữu; phê chuẩn Điều lệ Công ty, phương án kinh doanh và cử người đại diện cổ đông sáng lập, thành viên sáng lập hoàn tất thủ tục thành lập Công ty quản lý quỹ; Biên bản cam kết góp vốn của cổ đông, thành viên góp vốn (nêu rõ tỷ lệ sở hữu và thời hạn cam kết nắm giữ cổ phần hoặc phần vốn góp);

d) Danh sách và sơ yếu lý lịch có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Quy chế này) kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng minh nhân dân hoặc Hộ chiếu còn hiệu lực của Giám đốc hoặc Tổng